

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **31/2018/HNGĐ-ST**

Ngày **14/6/2018**

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Bá Kha**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Cẩm Ni** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2018/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 05 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/ QĐXXST - HNGĐ ngày 29/5/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Diễm Th**, sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 365, tổ 09, ấp K 10, xã Th Đ , huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

*** Bị đơn:** Anh **Phan Hồng S**, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 308, tổ 08, ấp K 10, xã Th Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa** chị **Thùy** trình bày:

Chị Th và anh S chung sống với nhau vào ngày 25 tháng 10 năm 2012 có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, không đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 19 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, anh Sang thường đi làm ăn xa nhà không quan tâm đến cuộc sống của mẹ con chị Th, vợ chồng đã ly thân từ tháng 7 năm 2016 đến nay từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Nay chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Phan Khã H - sinh ngày 13/02/2015 cháu đã có giấy khai sinh và đang chung sống với chị Th. Hiện nay chị Th không có thai.

- Về tài sản chung : Vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Nay tại Tòa án Chị Th yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diễm Th yêu cầu được ly hôn với anh Phan Hồng S

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Diễm Th yêu cầu được nuôi cháu Phan Khã H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Theo bản tự khai và biên bản hòa giải, đối chất ngày 14/5/2018 bị đơn anh Phan Hồng S trình bày:**

Anh S đồng ý với lời trình bày của chị Th về ngày tháng năm vợ chồng chung sống, có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn, có 01 người con chung, không có tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn như chị Th trình bày là đúng.

Nay anh S yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Hồng S không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Diễm Th vì anh cho rằng anh vẫn còn thương vợ con, muốn trở về đoàn tụ gia đình cùng với chị Th.

- Về con chung: Trong trường hợp chị Th cương quyết xin ly hôn thì anh S đồng ý giao cháu Phan Khã Hân sinh ngày 13/02/2015 cho chị Nguyễn Thị Diễm Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phan Hồng S có đơn xin xét xử vắng mặt. Nay vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Phan Hồng S là phù hợp với pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh S là vi phạm vào Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi bổ sung năm 2010 và theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi vì anh, chị chung sống với nhau vào năm 2012 mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật : “*Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà sống chung với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng*”. Chính vì vậy xác định mối quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh S không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nghĩ nên không công nhận chị Nguyễn Thị Diễm Th và anh Phan Hồng S là vợ chồng là có cơ sở và phù hợp với pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Diễm Th và anh Phan Hồng S xác nhận vợ chồng có 01 người con chung tên Phan Khã H sinh ngày 13/02/2015 cháu đã có giấy khai sinh và đang sống chung với chị Th và chị Th xác nhận hiện nay chị không có thai. Theo quy định tại Điều 21 BLDS năm 2015 “ Người chưa thành niên là người chưa đủ 18 tuổi”. Theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 “ *Sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con ...*”. Như vậy cháu Phan Khã H sinh ngày 13/02/2015 chưa thành niên vì chưa đủ 18 tuổi. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định “*Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên khi ly hôn đối với con, nếu không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Ở đây chị Th và anh S đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là chị Th, nếu chị Th cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Th và anh S, tiếp tục giao cháu Phan Khã H sinh ngày 13/02/2015 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung. Vì quyền lợi của con; khi cần thiết anh chị có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Diễm Th và anh Phan Hồng S xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa miễn xét.

[5] Về án phí: **Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.**

- Về án phí HNST: Buộc chị Nguyễn Thị Diễm Th phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005024 ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- **Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi bổ sung năm 2010;**
- **Áp dụng khoản 1 Điều 131, khoản 2 Điều 53; 57, 59, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự**
- **Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.**

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Diễm Th và anh Phan Hồng S là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Diễm Th và anh Phan Hồng S tiếp tục giao cháu Phan Khã H sinh ngày 13/02/2015 cho chị Nguyễn Thị Diễm Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Phan Hồng S không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết anh chị có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa miễn xét.

4. Về án phí HNST: Buộc Chị Nguyễn Thị Diễm Th phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005024 ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Phan Hồng S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Kha